

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/DS-ST**

Ngày: 30 - 3 - 2021.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa ông A và ông N.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh**
2. Bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **3** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 111/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Thái A**, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số 55 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Võ Hồng N**, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Thái A trình bày:

Vào ngày 25/12/2009 ông A có cho ông N vay số tiền 2.200.000.000đ, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nhưng ông N có viết và ký giấy biên nhận và cam kết để mượn tiền. Ông N có cam kết sau khi làm ăn xong thì ông N sẽ trả cho ông A số tiền cả vốn và tiền thỏa thuận là 22.000.000.000đ. Sau đó, mặc dù ông A đã đòi nhiều lần nhưng ông N vẫn không trả nợ như đã cam kết. Vì vậy, ông A khởi kiện yêu cầu ông

N phải trả số tiền gốc là 2.200.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 25/12/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông A đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020.

** Bị đơn ông Võ Hồng N trình bày:*

Ông N không thừa nhận khoản tiền vay như lời trình bày của ông A mà cho rằng giấy mượn tiền mà ông A nộp cho Tòa án là do ông A dùng vũ lực ép ông N ký vào khoảng ngày 15/01/2010 tại một nhà nghỉ ở Thành phố K. Thực chất vào ngày 25/12/2009, trên đường đi Đắc Hà- Gia Lai để mua đá thiên thạch, ông A có thỏa thuận và viết giấy cam kết với ông Võ Văn Q về việc ông A bỏ ra 2.000.000.000đ, mua bán xong ông Q phải trả cho ông A 20.000.000.000đ. Vì vậy, ông N không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông A.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn ông Nguyễn Thái A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A; Buộc ông N phải trả cho ông A số tiền gốc là 2.200.000.000đ; và chấp nhận tính lãi suất như sau:

+ Lãi suất kể từ ngày 25/12/2009 đến ngày 31/12/2016 là 2.200.000.000đ x 0,75%/tháng x 84 tháng 07 ngày = 1.389.850.000đ;

+ Lãi suất kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/3/2021 là 2.200.000.000đ x 0,83%/tháng x 51 tháng = 931.260.000đ.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn thi hành án.

- Đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020.

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Ông Nguyễn Thái A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Võ Hồng N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thái A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Vào ngày 25/12/2009 ông A có cho ông N vay số tiền 2.200.000.000đ, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nhưng ông N có viết và ký giấy biên nhận và cam kết để mượn tiền. Ông N cam kết sau khi làm ăn xong thì ông N sẽ trả cho ông A số tiền cả vốn và tiền thỏa thuận là 22.000.000.000đ. Sau đó, mặc dù ông A đã đòi nhiều lần nhưng ông N vẫn không trả nợ như đã cam kết nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N cung cấp cho Tòa án một số chứng cứ liên quan đến việc ông A thỏa thuận với ông Võ Văn Q, qua xem xét các tài liệu chứng cứ mà ông N cung cấp và Tòa án thu thập được thì thấy rằng: Vào năm 2009, thông qua mối quan hệ quen biết, Võ Văn Q, sinh năm: 1951, trú tại Thôn Nausri, xã Y, Thành phố H, tỉnh Lâm Đồng đã làm quen với ông Võ Văn N, sau đó câu kết với một số đối tượng làm giả đá thiên thạch, giả người đóng vai có đá thiên thạch cần bán, vai người đại diện pháp nhân cần mua đá thiên thạch, vai người môi giới, người có chuyên môn về giám định đá thiên thạch để lừa ông Võ Hồng N, ông Nguyễn Thái A, ông Trần Tấn M đặt cọc 2.000.000.000đ mua đá thiên thạch rồi chiếm đoạt số tiền trên. Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT-KT ngày 17/7/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K thể hiện sau khi Q rủ ông N mua đá thiên thạch, do không có 2.000.000.000đ nên ông N có rủ ông A đầu tư 2.000.000.000đ để thực hiện việc mua bán. Vào ngày 25/12/2009, tại nhà ông A, các bên đã thỏa thuận và thống nhất kế hoạch đi tỉnh K để thử đá, mua đá và chia nhau tiền lời chênh lệch. Tuy nhiên, khi đến tỉnh K, sau khi thử đá và sau khi ông A giao tiền cho đối tượng tên T, G (là người câu kết với Q) thì Q và các đối tượng trên đã chiếm đoạt tiền và bỏ trốn. Bản cáo trạng đã truy tố Võ Văn Q ra trước Tòa án nhân dân tỉnh K để đề nghị xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 16/7/2014, Võ Văn Q đã chết do đột quỵ nên đến ngày 15/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh K đã đình chỉ vụ án đối với Võ Văn Q.

Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có lời khai nào của ông A thừa nhận về việc thỏa thuận và ký kết hùn tiền làm ăn với ông Võ Văn Q. Bên cạnh đó, ông A cung cấp được cho Tòa án 01 bản chính giấy biên nhận và cam kết để mượn tiền ghi ngày 25/12/2009 thể hiện ông N vay của ông A 2.200.000.000đ để ông N làm ăn. Ông A khẳng định số tiền ông N vay và số tiền mua đá thiên thạch là không liên quan gì đến nhau; ông A cho rằng ông và ông N là bạn học với nhau, mọi việc làm ăn chung với nhau đều có sự thỏa thuận, bàn bạc cụ thể và rất rõ ràng; việc ông N tự tay viết giấy biên nhận vay tiền của ông A là hoàn toàn tự nguyện và đúng sự thật; ông N là thầy giáo, có hiểu biết pháp luật thì không thể nào một mình ông A lại có thể dùng áp lực để ép buộc bạn mình ký nhận vay một số tiền lớn như vậy. Còn ông N thì cho rằng, giấy

biên nhận trên do ông A ép ông N viết tại một nhà nghỉ tại tỉnh K nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông N phải trả cho ông A số tiền gốc là 2.200.000.000đ.

- *Về lãi suất:* Tuy trong giấy vay tiền không ghi cụ thể có thỏa thuận về lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận sau khi ông N làm ăn xong sẽ trả ông A cả vốn + tiền thỏa thuận là 22.000.000.000đ nhưng không nói rõ thời gian là bao lâu và tiền lãi là bao nhiêu nên ông A yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

+ Lãi suất kể từ ngày 25/12/2009 đến ngày 31/12/2016 là 2.200.000.000đ x 0,75%/tháng x 84 tháng 07 ngày = 1.389.850.000đ;

+ Lãi suất kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/3/2021 là 2.200.000.000đ x 0,83%/tháng x 51 tháng = 931.260.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông N; Buộc ông N phải có trách nhiệm trả cho ông A tổng số tiền là 4.521.110.000đ; trong đó: Tiền gốc là 2.200.000.000đ, tiền lãi là 2.321.110.000đ.

- *Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:*

Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là: Toàn bộ thửa đất số 499, tờ bản đồ số 23 diện tích 592m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CU 498342 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 10/01/2020 mang tên ông Võ Hồng N; và một phần thửa đất số 500, tờ bản đồ số 23 diện tích 1.693m² (trong đó có 280m² đất ở và 1.413m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CU 498341 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 10/01/2020 mang tên ông Võ Hồng N.

Do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận, ông N vẫn còn nợ tiền của ông A và nguyên đơn ông A có đơn đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp và có cơ sở pháp luật.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2020/QĐ-BPBD ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông Nguyễn Thái A toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205141360 mở ngày 07 tháng 8 năm 2020.

*** Về án phí:** Vụ kiện có giá ngạch, ông Võ Hồng N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 112.000.000đ + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 4.000.000.000đ, số tiền án phí phải nộp là 112.521.000đ

Ông Nguyễn Thái A không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái A đối với ông Võ Hồng N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc ông Võ Hồng N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thái A tổng số tiền là 4.521.110.000đ (Bốn tỷ năm trăm hai mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng); trong đó: Tiền gốc là 2.200.000.000đ, tiền lãi là 2.321.110.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là: Toàn bộ thửa đất số 499, tờ bản đồ số 23 diện tích 592m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CU 498342 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 10/01/2020 mang tên ông Võ Hồng N; và một phần thửa đất số 500, tờ bản đồ số 23 diện tích 1.693m² (trong đó có 280m² đất ở và 1.413m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CU 498341 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 10/01/2020 mang tên ông Võ Hồng N.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2020/QĐ-BPBD ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân B, tỉnh Lâm Đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thái A toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205141360 mở ngày 07 tháng 8 năm 2020.

3/ Về án phí:

Ông Võ Hồng N phải chịu 112.521.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thái A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

